**Tài liệu hướng dẫn tạm thời xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng HỖ TRỢ việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng quy định EUDR**

**(Cho ngành hàng cà phê và cao su)**

**I. GIỚI THIỆU VỀ Quy định eudr**

**1. Bối cảnh và yêu cầu của quy định EUDR**

Ngày 17/11/2021, Ủy ban châu Âu đề xuất một dự luật ngăn chặn việc nhập khẩu các mặt hàng gây mất rừng và suy thoái rừng. Ngày 19/4/2023, Nghị viện châu Âu và ngày 16/5/2023, Hội đồng châu Âu đã thông qua dự luật này. Các sản phẩm liên quan đến cà phê và cao su phải được sản xuất phù hợp với các quy định pháp luật của quốc gia sản xuất và không được trồng trên diện tích đất có nguồn gốc từ việc phá rừng sau ngày 31 tháng 12 năm 2020. Quá trình sản xuất không được dẫn đến mất rừng hay suy thoái rừng sau ngày này.

Các nhà cung cấp và nhập khẩu sản phẩm cà phê và cao su có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin và đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm họ cung cấp hoặc nhập khẩu vào thị trường Liên minh Châu Âu (EU). EU cần cung cấp thông tin liên quan đến vùng trồng của sản phẩm vào “hệ thống thông tin nền tảng” do EU thiết lập theo Điều 33 của Quy định EUDR.

Đối với Việt Nam, EUDR tác động trực tiếp tới ngành cà phê, cao su, gỗ - ba ngành này hiện đang có các sản phẩm xuất khẩu trực tiếp vào EU. Thời hạn EUDR bắt đầu có hiệu lực còn rất ngắn, chuẩn bị cho cho các ngành hàng này để đáp ứng được với các yêu cầu của EUDR là công việc cấp bách và cần thiết. Đáp ứng với EUDR đòi hỏi sự điều chỉnh của các cơ chế chính sách liên quan, các hoạt động của các bên tham gia chuỗi cung, chuẩn bị đầy đủ thông tin nền về bản đồ rừng, về hiện trạng sử dụng đất, thay đổi phương thức vận hành và quản lý chuỗi…

**2. Thời hạn thi hành**

Theo kế hoạch ban đầu, quy định sẽ bắt đầu áp dụng đối với các cá nhân và tổ chức từ ngfy 30 tháng 12 năm 2024; đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên EU là từ tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, ngày 16/10, Ủy ban Châu ÂU (EC) chính thức đồng ý lùi thời hạn tuân thủ, hạn cuối để các doanh nghiệp lớn tuân thủ EUDR là ngày 30/12/2025; các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ là ngày 30/6/2026.

**3. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

**a.** **Phạm vi áp dụng:** Hướng dẫn này đưa ra các yêu cầu về phương pháp tổ chức thực hiện và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc số hóa dữ liệu vùng trồng cà phê và cao su trên quy mô cấp tỉnh, với sự phân cấp đến cấp huyện. Mục tiêu là đảm bảo dữ liệu vùng trồng đáp ứng các yêu cầu của EUDR và phục vụ quản lý bền vững sản xuất nông nghiệp.

**b. Đối tượng áp dụng:** Hướng dẫn này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, và cá nhân liên quan trong chuỗi cung ứng và sản xuất cà phê, cao su tại các tỉnh, huyện và xã có vùng sản xuất liên quan.

**II. cơ sỞ dữ liệu vùng trồng đáp ứng quy định eudr**

**1. Mục tiêu của việc xây dựng CSDLVT**

Nhằm góp phần vào việc hỗ trợ các ngành hàng cà phê và cao su của Việt Nam chuẩn bị để đáp ứng với các yêu cầu của EUDR. Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với tổ chức IDH và các bên liên quan xây dựng hệ thống CSDL vùng trồng đáp ứng quy định EUDR.

Xây dựng CSDLVT là áp dụng công nghệ thông tin để số hóa dữ liệu và thông tin vùng trồng. Hệ thống này sẽ làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý canh tác bền vững, đảm bảo không gây mất rừng và suy thoái rừng đối với ngành hàng cà phê và cao su.

CSDLVT sẽ được thiết lập để đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của EUDR cũng như các yêu cầu khác từ thị trường, tạo nền tảng cho việc quản lý hiệu quả sản xuất và bảo tồn tài nguyên.

EUDR dựa trên trách nhiệm giải trình và thẩm định thực tế của từng tổ chức, cá nhân có liên quan đến lô hàng xuất khẩu*. Hướng dẫn này không quy định bắt buộc sử dụng một công cụ cụ thể nào. các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cân nhắc tự phát triển hoặc sử dụng các hệ thống hoặc công cụ mà tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cho là hiệu quả nhất trong chuỗi cung sản phẩm hàng hóa.*

**2. Nguyên tắc tổ chức việc xây dựng CSDLVT**

Nguyên tắc xây dựng CSDLVT dựa trên mô hình hợp tác công tư, với sự quản lý của UBND các tỉnh và huyện. Từ thực tế xây dựng CSDL EUDR thí điểm, hệ thống sẽ tích hợp các dữ liệu từ nhiều nguồn như quy hoạch sử dụng đất, bản đồ địa chính và thông tin rừng EUDR. Việc thu thập và cập nhật thông tin sẽ được thực hiện thông qua ứng dụng khảo sát, đảm bảo quản lý dữ liệu hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo EUDR.

Xây dựng CSDLVT: Thực hiện theo hình thức hợp tác công - tư và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và UBND các huyện. Hệ thống dữ liệu sẽ được số hóa thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, với các nguồn dữ liệu chính bao gồm:

- **Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất**: Đặc biệt tập trung vào đất lâm nghiệp và đất canh tác nông nghiệp.

- **Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp**: Được tích hợp để hỗ trợ làm rõ ranh giới pháp lý về tính hợp pháp của việc sử dụng đất canh tác, so với đất được quy hoạch cho phát triển rừng và các mục đích lâm nghiệp có liên quan.

- **Dữ liệu bản đồ rừng EUDR**: Được tích hợp để hỗ trợ xác định và quản lý thông tin về rừng, ranh giới rừng.

- **Dữ liệu trích lục bản đồ địa chính**: Liên quan đến các thửa đất canh tác nông nghiệp, sẽ làm nền tảng cho việc cập nhật và mã hóa thông tin thửa đất, người canh tác và cây trồng.

- **Thu thập và cập nhật thông tin**: Thực hiện thông qua một ứng dụng khảo sát (App). Ứng dụng này sẽ được kết nối với hệ thống thông tin nền tảng để cập nhật các thông tin cần thiết vào hệ thống, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng và quản lý dữ liệu vùng trồng.

**3. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc xây dựng CSDLVT**

**a. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Cục Trồng trọt)**

Xây dựng và ban hành các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng CSDLVT.

Hỗ trợ các tỉnh triển khai xây dựng CSDLVT để đáp ứng các yêu cầu của EUDR.

**b. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Thành lập Ban chỉ đạo/Tổ công tác để điều phối, hướng dẫn và hỗ trợ UBND các huyện thực hiện việc xây dựng CSDLVT tại địa phương.

- Xây dựng “Khung Chương trình triển khai các giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu EUDR” tại địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan chia sẻ dữ liệu nền tảng như quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu lâm nghiệp và dữ liệu địa chính để làm cơ sở cho việc xây dựng CSDLVT. Tham mưu UBND tỉnh về quản lý và sử dụng thông tin phù hợp với các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể để thực hiện các hoạt động truyền thông về EUDR và kế hoạch xây dựng CSDLVT, đồng thời lập kế hoạch tích hợp hệ thống CSDLVT vào hệ thống IOC của các tỉnh, huyện.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Trồng trọt hỗ trợ UBND các huyện trong việc giám sát và triển khai “Kế hoạch xây dựng CSDLVT”.

- Phối hợp với UBND các huyện xây dựng, ban hành, và thực hiện “Kế hoạch xây dựng CSDLVT” ở cấp huyện.

- Tuyên truyền về các quy định EUDR và hướng dẫn các địa phương triển khai chi tiết các nội dung của tài liệu hướng dẫn này.

**c. Các doanh nghiệp, các đại lý trong chuỗi sản xuất và cung ứng sản phẩm cà phê, cao su**

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và UBND các huyện để đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế và xây dựng kế hoạch CSDLVT.

- Phối hợp với UBND các huyện, UBND các xã trong việc khảo sát và thu thập thông tin cần thiết cho quá trình xây dựng CSDLVT.

- Tuân thủ các quy định và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thu thập, khai thác, và sử dụng thông tin về vùng trồng, đảm bảo thông tin đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của EUDR.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện các trách nhiệm giải trình ([Due Diligence Statements](https://green-business.ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation/due-diligence_en)) theo yêu cầu của nhà nhập khẩu sản phẩm cà phê/cao su.

*(Việc xây dựng hệ thống Truy xuất nguồn gốc là trách nhiệm của các công ty, do các công ty thực hiện, mỗi công ty có những cách thức tiếp cận trong xây dựng khác nhau. Hướng dẫn này sẽ không đề cập đến vấn đề TXNG trong toàn chuỗi giá trị mà chỉ cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu minh chứng sản phẩm xuất phát từ vùng trồng tuân thủ EUDR).*

**d. Người trồng cà phê và cao su**

- Cung cấp đầy đủ thông tin về diện tích thửa đất canh tác, nơi cư trú, thông tin về cây trồng, diện tích trồng, năng suất và sản lượng.

- Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng và doanh nghiệp trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin và kiểm tra thực địa.

- Đảm bảo thông tin cung cấp đúng với thực tế, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của EUDR.

**4. Yêu cầu về cơ sở dữ liệu vùng trồng**

Cơ sở dữ liệu vùng trồng (CSDLVT) phải bao gồm các thông tin sau:

* **Vị trí địa lý của từng thửa vườn**: Bao gồm tọa độ GPS của các vườn cây; đối với vườn có diện tích ≥ 4.0 ha phải có tọa độ đa điểm.
* **Mã định danh vùng trồng**: Gồm mã quốc gia, mã huyện, mã xã, mã vườn.
* **Thông tin về chủ sở hữu thửa đất**: Gồm mã nông hộ, tên và địa chỉ của chủ sở hữu.
* **Thông tin về người canh tác**: Bao gồm mã người canh tác, tên và địa chỉ nơi cư trú. Nếu người canh tác và chủ sở hữu là một, các thông tin sẽ được đồng nhất.
* **Thông tin về cây trồng**: Bao gồm mã cây trồng, tên cây, diện tích trồng, độ tuổi cây theo nhóm tuổi (đối với cây lâu năm).

Tất cả các thông tin trên phải đảm bảo tính đồng nhất về định dạng dữ liệu và được biên tập theo chuẩn nhất định để có thể tích hợp vào “hệ thống thông tin nền tảng” do EU thiết lập, thông qua cổng tiếp nhận thông tin API.

**iII. hướng dẫn sử dụng phần mềm csdl vùng trồng đáp ứng quy định eudr**

**1. Tên phần mềm**

Dự kiến phầm mềm có tên “EUDR\_(CFCS)\_VN”, trong đó CF là viết tắt của cà phê và CS là viết tắt của cao su.

**2. Vận hành**

**- Hình thức hợp tác công tư**: Việc xây dựng CSDLVT sẽ được triển khai theo mô hình hợp tác công tư, dựa trên khung hành động EUDR do Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh xây dựng và ban hành. Sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, và người dân sẽ đảm bảo quá trình thu thập và quản lý dữ liệu được thực hiện hiệu quả.

**- Vai trò của UBND các huyện**: UBND các huyện sẽ xây dựng và ban hành "Kế hoạch xây dựng CSDLVT" với các đầu mục công việc cụ thể, bao gồm thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bên liên quan. Kế hoạch này sẽ đảm bảo các hoạt động được triển khai đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất.

- **Quản lý và cập nhật dữ liệu**: Quản lý và cập nhật dữ liệu lên hệ thống CSDLVT sẽ do Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh quản lý. Quá trình cập nhật thông tin sẽ được giám sát và kiểm tra chất lượng để đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

**- Sử dụng công nghệ số hóa**: Toàn bộ hệ thống dữ liệu và quy trình thu thập, quản lý thông tin vùng trồng sẽ được số hóa, giúp dễ dàng tích hợp vào các hệ thống quản lý thông tin khác và đáp ứng yêu cầu của EUDR về truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

**- Phối hợp giữa các bên liên quan**: Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người trồng cà phê, cao su cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình xây dựng và cập nhật CSDLVT, đảm bảo thông tin được thu thập đầy đủ và chính xác, đáp ứng yêu cầu của cả thị trường trong nước và quốc tế.

- **Quy định khóa tài khoản**: Khi Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Trồng trọt, Cục Kiểm lâm, Cục Lâm nghiệp và Trung tâm CĐS và TKNN) phát hiện sai phạm của tổ chức/cá nhân trong việc đăng ký và sử dụng hệ thống CSDLVT này sẽ khóa **vĩnh viễn** tài khoản của tổ chức/cá nhân đó. Ngoài ra, đơn vị quản lý hệ thống tại địa phương (cấp tỉnh) có quyền khóa tài khoản của tổ chức/cá nhân khi phát hiện sai phạm như trên.

**3. Quản trị hệ thống phần mềm CSDLVT**

Hệ thống phần mềm CSDLVT do Bộ Nông nghiệp và PTNT sở hữu, quản lý tổng thể và giao nhiệm vụ, quyền hạn cho các đơn vị như sau:

- Tổ công tác EUDR sẽ phụ trách chung về định hướng kỹ thuật tại các tỉnh/huyện:

- Hệ thống, server máy chủ sẽ do các tỉnh quản lý theo từng tỉnh.

- Phân quyền sử dụng và tiếp cận: sẽ do các tỉnh và các huyện phân quyền theo chức năng sử dụng.

- Riêng đối với hệ thống thí điểm hiện có, Cục Trồng trọt sẽ cấp quyền cho các đơn vị để tiếp cận hệ thống chính thức cho từng trường hợp cụ thể.

- Các trường hợp cần tìm hiểu về hệ thống sẽ sử dụng quyền tiếp cận thông qua tài khoản công cộng (đã bị hạn chế một số quyền) để tham khảo hệ thống qua đường link được tạo trong tài liệu.

**4. Thuật ngữ và định nghĩa**

**a. Mã định danh vùng trồng**

Là mã định danh của một vùng trồng, nhằm mục đích theo dõi, kiểm soát tình hình sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Mã số vùng trồng được thiết lập dựa trên mã địa chính và thông tin quản lý của các đơn vị hành chính Việt Nam.

**b. Cấu trúc mã số vùng trồng bao gồm:**

* **Mã địa chính của thửa vườn[[1]](#footnote-1)**: Được thiết lập dựa trên mã số các đơn vị hành chính Việt Nam và mã địa chính của các thửa đất. Ví dụ: 697\_C25006\_DC22\_100 (huyện Di Linh, xã Tân Thượng, bản đồ địa chính số, thửa đất số 100).
* **Mã nông hộ và mã người canh tác**: Được thiết lập từ mã xã (nơi chủ sở hữu hoặc người canh tác cư trú) và số thứ tự.
* **Mã cây trồng và sản phẩm phát sinh[[2]](#footnote-2)**: Cà phê được đặt mã là CF, cao su là CS.

**c. Nội dung thông tin**

**- Dữ liệu không gian**: Bao gồm tọa độ GPS và tọa độ đa điểm (polygon) của thửa đất trồng cây, để xác định chính xác vị trí và diện tích vùng trồng.

**- Dữ liệu thuộc tính**: Bao gồm mã định danh của vùng trồng, diện tích thửa đất, tên chủ sở hữu, năng suất và sản lượng, thông tin về cây trồng (loại cây, mã cây trồng), độ tuổi cây theo nhóm tuổi (đối với cây lâu năm), và các thông tin khác liên quan đến sản xuất cây trồng.

**- Thông tin nền**: Gồm các dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính cơ bản về các vùng đất được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp và nông nghiệp. Thông tin về hiện trạng rừng tại thời điểm 31/12/2020 được kế thừa từ kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu rừng EUDR. Dữ liệu này cũng bao gồm các trích lục bản đồ địa chính của các thửa đất nông nghiệp.

**- Thông tin chủ sở hữu và người canh tác**: Bao gồm mã số, tên, địa chỉ của chủ sở hữu và người canh tác thửa đất. Trong trường hợp chủ sở hữu và người canh tác là một, thông tin sẽ được đồng nhất.

**- Thông tin về cây trồng**: Gồm mã cây trồng, tên cây trồng, diện tích trồng, sản lượng bình quân hàng năm, và các đặc điểm khác như hình thức trồng thuần hay trồng xen kẽ, độ tuổi cây trồng theo nhóm tuổi.

- **Các dữ liệu khác**: Việc khảo sát và cập nhật thông tin có thể bao gồm thêm các nhóm dữ liệu như hình thức trồng thuần hay trồng xen, độ tuổi cây theo nhóm, nhằm đáp ứng thêm các yêu cầu về thông tin việc tuân thủ EUDR.

**5. Hệ thống CSDLVT**

Mục này mô tả cấu trúc và các thành phần chính của Hệ thống CSDLVT. Hệ thống bao gồm phần quản trị và phân quyền, thu thập và cập nhật dữ liệu từ các khảo sát thực địa, và các công cụ báo cáo thống kê. Dữ liệu sẽ được đồng bộ và chia sẻ thông qua cổng API để đảm bảo tích hợp với hệ thống thông tin nền tảng của EU. Ngoài ra, ứng dụng khảo sát cũng được thiết kế để thu thập và cập nhật dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác.

**a. Cấu trúc hệ thống CSDLVT**

Cấu trúc hệ thống CSDLVT gồm các phần chính như sau:

* **Phần quản trị và phân quyền**: Đảm bảo quản lý người dùng và phân quyền truy cập cho từng vai trò, đảm bảo hệ thống an toàn và bảo mật.
* **Phần thông tin nền tảng đầu vào**: Tích hợp các dữ liệu nền tảng như quy hoạch sử dụng đất, bản đồ địa chính, thông tin hiện trạng rừng và các vùng đất lâm nghiệp, nông nghiệp phục vụ cho việc quản lý vùng trồng.
* **Phần thông tin khảo sát được cập nhật**: Thu thập và cập nhật dữ liệu từ các cuộc khảo sát thực địa, bao gồm thông tin về vị trí, diện tích thửa đất, cây trồng, chủ sở hữu và người canh tác.
* **Phần thống kê và báo cáo**: Cho phép phân tích và trích xuất các báo cáo, thống kê liên quan đến vùng trồng, cây trồng, năng suất và các yếu tố khác, hỗ trợ quá trình ra quyết định.
* **Cổng API để kết nối và chia sẻ thông tin**: Đảm bảo khả năng trao đổi dữ liệu với các hệ thống khác, đặc biệt là hệ thống thông tin nền tảng của EU, thông qua các giao diện lập trình ứng dụng (API).

**b. Ứng dụng (App) khảo sát cập nhật thông tin**

Ứng dụng khảo sát được xây dựng với các tính năng sau:

* **Kết nối với dữ liệu hệ thống**: Ứng dụng phải có khả năng kết nối trực tiếp với dữ liệu sẵn có trong hệ thống CSDLVT, cho phép sử dụng thông tin hiện có để đối chiếu và cập nhật thêm dữ liệu mới từ thực địa.
* **Cập nhật thông tin thực địa**: Ứng dụng sẽ được sử dụng để thu thập thông tin chi tiết từ các đợt khảo sát thực địa, bao gồm thông tin về vị trí thửa đất, chủ sở hữu, người canh tác và cây trồng. Các thông tin này sẽ được nhập vào hệ thống một cách nhanh chóng và chính xác.
* **Tự động tạo mã thông tin**: Ứng dụng có tính năng tự động tạo các mã định danh cho từng thửa đất, vùng trồng, người canh tác, và cây trồng theo cấu trúc đã được thiết lập trong hệ thống. Điều này đảm bảo dữ liệu được quản lý một cách nhất quán và chuẩn hóa.
* **Tính năng nhập liệu đơn giản và thuận tiện**: Giao diện ứng dụng được thiết kế thân thiện với người dùng, cho phép nhập liệu nhanh chóng và thuận tiện, phù hợp với điều kiện làm việc ngoài thực địa.
* **Đồng bộ dữ liệu**: Dữ liệu thu thập từ ứng dụng sẽ được đồng bộ hóa với hệ thống CSDLVT qua kết nối mạng, đảm bảo thông tin luôn được cập nhật và lưu trữ an toàn.

*\* Lưu ý xin vui lòng đọc kỹ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật bằng cách click vào biểu tượng màu xanh lá cây ở góc dưới phía bên phải màn hình trước khi sử dụng thử nghiệm.*

Các mục liệt kê dưới đây tóm tắt hướng dẫn đăng nhập vào hệ thống, sử dụng hệ thống và mô tả các chức năng của hệ thống

**1. Tạo tài khoản sử dụng**

Hiện tại, để đăng nhập và thử nghiệm hệ thống đề nghị tổ chức/cá nhân truy cập đường link: <https://training-eudr.ecotech2a.com/> và dùng tài khoản sau để đăng nhập: User name: thamkhaohethong; Password: ctt@BNN2024

*Ghi chú: Hệ thống CSDLVT này sẽ cấp quyền cho các địa phương quản lý hệ thống dữ liệu của tỉnh mình và cấp đăng ký tài khoản của từng tổ chức/cá nhân có nhu cầu khi vận hành chính thức.*

**2. Khảo sát cập nhật thông tin.**

Tại trang chủ của hệ thống, người dùng truy cập vào mục “Danh sách” rồi làm theo các bước sau:

- **Chọn địa điểm khảo sát**: Người dùng sẽ chọn địa phương cần khảo sát từ danh sách gồm tỉnh, huyện, xã. Sau đó, tiếp tục chọn tên nông hộ hoặc nhập số thửa đất (DC##\_###) để tìm kiếm vườn cần khảo sát.

- **Xác định vườn khảo sát**: Người dùng sẽ kiểm tra và xác định chính xác vườn cần khảo sát dựa trên thông tin hiển thị, đảm bảo đúng đối tượng và vị trí thửa đất.

- **Cập nhật thông tin chủ sở hữu và người canh tác**: Ứng dụng sẽ tự động tạo mã cho chủ sở hữu và người canh tác theo thứ tự khảo sát và xã nơi họ cư trú. Nếu chủ sở hữu và người canh tác là cùng một người, mã thông tin sẽ đồng nhất.

- **Cập nhật diện tích đất**: Người dùng sẽ nhập hoặc cập nhật thông tin về diện tích sử dụng đất của từng thửa đất trong hệ thống, bao gồm các thay đổi hoặc bổ sung liên quan đến ranh giới và diện tích.

- **Cập nhật thông tin cây trồng:** Người dùng chọn loại cây trồng (cà phê, cao su) và nhập các thông tin liên quan như diện tích trồng, sản lượng dự kiến, tuổi cây, và các thông số khác theo yêu cầu.

- **Đồng bộ dữ liệu**: Sau khi hoàn tất khảo sát và cập nhật thông tin, ứng dụng sẽ tự động đồng bộ dữ liệu với hệ thống CSDLVT để đảm bảo mọi thông tin mới nhất được lưu trữ chính xác và kịp thời.

**3. Giám sát quá trình khảo sát** (*Do vấn đề bảo mật thông tin, chức năng này chỉ thực hiện với tài khoản chính thức của người dùng và được sự thống nhất của các bên liên quan về vấn đề chia sẻ thông tin*)

**- Đăng nhập vào hệ thống**: Người dùng đăng nhập vào tài khoản đã được cấp quyền, như đã hướng dẫn ở phần trước, để truy cập vào chức năng giám sát.

- **Theo dõi tiến độ khảo sát**: Người dùng có thể theo dõi tiến độ khảo sát thông qua bảng thống kê được hiển thị trong hệ thống. Thông tin này bao gồm danh sách các vùng trồng đã được khảo sát, các khu vực còn lại, và tiến độ cập nhật dữ liệu.

- **Kiểm tra chất lượng dữ liệu**: Người quản lý có thể chọn tài khoản của các khảo sát viên và kiểm tra chất lượng dữ liệu đã được thu thập từ các vườn cây khảo sát. Điều này giúp đảm bảo dữ liệu được nhập chính xác và phản ánh đúng thực tế.

- **Trích xuất dữ liệu kết quả**: Người dùng có thể trích xuất dữ liệu kết quả của các cuộc khảo sát từ hệ thống để kiểm tra và đối chiếu. Báo cáo kết quả khảo sát sẽ được phân loại theo vùng, thửa đất, hoặc khảo sát viên để dễ dàng theo dõi và đánh giá.

**4. Khai thác và trích xuất dữ liệu** (*Do vấn đề bảo mật thông tin, chức năng này chỉ thực hiện với tài khoản chính thức của người dùng và được sự thống nhất của các bên liên quan về vấn đề chia sẻ thông tin*)

Quyền khai thác và trích xuất dữ liệu của mỗi đơn vị sẽ được phân quyền theo các mức độ khác nhau và sẽ được đơn vị phụ trách đăng ký với với Sở Nông nghiệp và PTNT theo mẫu đăng ký quyền khai thác thông tin.

- **Cấp quyền khai thác dữ liệu**: Chức năng khai thác và trích xuất dữ liệu chỉ được cấp cho các tài khoản của cán bộ quản lý, theo quyền hạn được xác định trong quy chế chia sẻ thông tin do UBND các huyện ban hành. Mức độ khai thác dữ liệu sẽ được quy định rõ ràng để đảm bảo tính bảo mật và kiểm soát thông tin.

**- Trích xuất dữ liệu**: Người dùng có thể trích xuất dữ liệu từ hệ thống CSDLVT để phục vụ mục đích quản lý, báo cáo, hoặc phân tích. Dữ liệu có thể được trích xuất dưới các định dạng tiêu chuẩn, như Excel hoặc CSV, tùy thuộc vào yêu cầu sử dụng.

- **Sử dụng dữ liệu**: Dữ liệu trích xuất có thể bao gồm thông tin về vị trí thửa đất, chủ sở hữu, người canh tác, cây trồng, diện tích, sản lượng, và các thông tin khác liên quan đến vùng trồng. Người dùng sẽ sử dụng dữ liệu này cho các mục đích quản lý nội bộ, báo cáo với các cơ quan chức năng, hoặc phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo yêu cầu của EUDR.

Ngoài các dữ liệu bản đồ được trích xuất dưới dạng GEOJSON, KML, các dữ liệu thuộc tính có thể được trích xuất với các thông tin như bảng biểu dưới đây:

*Thông tin địa lý vườn cây:*



*Thông tin nông hộ*



*Thông tin cây trồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | | **Diện tích - hình thức trồng** | | | **Sản lượng (tấn/năm)** | |
| **Mã** | **Tên** | **DT trồng** | **Trồng thuần** | **Trồng xen** | **Nhân** | **Quả tươi** |
| CF-RO | Cà phê - Robusta | 0.48 | 0.48 | 0.00 | 1.00 | 4.09 |
| CF-RO | Cà phê - Robusta | 0.45 | 0.00 | 0.45 | 0.00 | 0.00 |
| CF-RO | Cà phê - Robusta | 0.20 | 0.20 | 0.00 | 0.40 | 1.64 |

- **Báo cáo và phân tích**: Hệ thống cung cấp các công cụ báo cáo và phân tích dữ liệu, cho phép người dùng dễ dàng theo dõi và đánh giá hiệu quả của các vùng trồng, so sánh năng suất và sản lượng, cũng như hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu chính xác và cập nhật.

**IV. Tổ chức thực hiện**

**1. Cơ chế chia sẻ thông tin**

*Cơ chế chia sẻ thông tin sẽ theo hướng dẫn đang được Bộ NN&PTNT xây dựng. Tạm thời đề xuất như sau:*

**- Quy chế chia sẻ thông tin:** Sở NN& PTNT căn cứ theo tài liệu hướng dẫn của Cục Trồng trọt để đề xuất UBND tỉnh ban hành quy chế chia sẻ thông tin. Quy chế này sẽ quy định rõ cách thức và phạm vi chia sẻ dữ liệu cho các bên tham gia xây dựng CSDLVT, bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức liên quan đến sản xuất và cung ứng cà phê, cao su.

**- Thông tin cơ sở dữ liệu nền:** Các đơn vị được phép tiếp cận dữ liệu cơ sở để phục vụ việc xây dựng và quản lý CSDLVT. Điều này bao gồm dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ địa chính, và thông tin liên quan đến vùng trồng cây cà phê và cao su.

**- Thông tin kết quả từ hệ thống CSDLVT:** Sau khi CSDLVT được xây dựng và cập nhật, các bên có liên quan sẽ có thể khai thác thông tin từ hệ thống này để đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ quy định của EUDR. Việc truy cập và sử dụng dữ liệu này sẽ được thực hiện theo quy chế chia sẻ thông tin theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp được phép tiếp cận các thông tin về vị trí địa lý vườn cây, thông tin nông hộ hoặc thông tin người canh tác, thông tin cây trồng được nêu ở mục III. 4 (như trong bảng mẫu thông tin) sau khi các thông tin này được chuyển sang app hỗ trợ các doanh nghiệp tại các địa phương ghi nhận việc mua sản phẩm (cà phê và cao su) từ các nông hộ

**2. Phân công nhiệm vụ của các bên liên quan**

**a. Cục Trồng trọt - Bộ NNN&PTNT**

- Xây dựng và ban hành các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng CSDLVT.

- Hỗ trợ các tỉnh triển khai việc xây dựng CSDLVT để đáp ứng các yêu cầu của EUDR.

**b. Trung tâm chuyển đổi số và thống kê NN - Bộ NN&PTNT,**

- Các tổ chức/cá nhân trong quá trình sử dụng nếu gặp khó khăn thì liên hệ theo đầu mối của các tỉnh, huyện có các đơn vị tư vấn để hỗ trợ.

Trường hợp cần thiết, các tổ chức/cá nhân có thể liên hệ với trung tâm CĐSTKNN đơn vị tiếp nhận hệ thống hướng dẫn để được hỗ trợ.

**c. Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Thành lập Ban chỉ đạo/Tổ công tác để điều phối, hướng dẫn và hỗ trợ UBND các huyện thực hiện việc xây dựng CSDLVT tại địa phương.

- Xây dựng “Khung Chương trình triển khai các giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu EUDR” tại địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh để chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan chia sẻ dữ liệu nền tảng như quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu lâm nghiệp, và dữ liệu địa chính để làm cơ sở cho việc xây dựng CSDLVT. Tham mưu UBND tỉnh về quản lý và sử dụng thông tin phù hợp với các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin và các ban, ngành, đoàn thể để thực hiện các hoạt động truyền thông về EUDR và kế hoạch xây dựng CSDLVT

- Lập kế hoạch tích hợp hệ thống CSDLVT vào hệ thống IOC của các tỉnh, huyện.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Trồng trọt hỗ trợ UBND các huyện trong việc giám sát và triển khai “Kế hoạch xây dựng CSDLVT”.

- Phối hợp với UBND các huyện xây dựng, ban hành, và thực hiện “Kế hoạch xây dựng CSDLVT” ở cấp huyện.

- Tuyên truyền về các quy định EUDR và hướng dẫn các địa phương triển khai chi tiết các nội dung của tài liệu hướng dẫn này.

**c. Các doanh nghiệp, các đại lý trong chuỗi sản xuất và cung ứng sản phẩm cà phê, cao su**

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và UBND các huyện để đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế và xây dựng kế hoạch CSDLVT.

- Phối hợp với UBND các huyện, UBND các xã trong việc khảo sát và thu thập thông tin cần thiết cho quá trình xây dựng CSDLVT.

- Tuân thủ các quy định và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thu thập, khai thác, và sử dụng thông tin về vùng trồng, đảm bảo thông tin đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của EUDR.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thực hiện các trách nhiệm giải trình ([Due Diligence Statements](https://green-business.ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation/due-diligence_en)) theo yêu cầu của nhà nhập khẩu sản phẩm cà phê/cao su.

*(Việc xây dựng hệ thống Truy xuất nguồn gốc là trách nhiệm của các công ty, do các công ty thực hiện, mỗi công ty có những cách thức tiếp cận trong xây dựng khác nhau. Hướng dẫn này sẽ không đề cập đến vấn đề TXNG trong toàn chuỗi giá trị mà chỉ cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu minh chứng sản phẩm xuất phát từ vùng trồng tuân thủ EUDR).*

**d. Người trồng cà phê và cao su**

- Cung cấp đầy đủ thông tin về diện tích thửa đất canh tác, nơi cư trú, thông tin về cây trồng, diện tích trồng, năng suất và sản lượng.

- Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng và doanh nghiệp trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin và kiểm tra thực địa.

- Đảm bảo thông tin cung cấp đúng với thực tế, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của EUDR.

**CỤC TRỒNG TRỌT**

1. **Ghi chú:**

   Mã số các tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã được sử dụng theo bảng mã số đơn vị hành chính quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, cùng với các văn bản cập nhật và bổ sung mã số đơn vị hành chính mới. Địa chỉ vùng trồng của tổ chức hoặc cá nhân sẽ là căn cứ để xác định mã số tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã. [↑](#footnote-ref-1)
2. Mã khai báo hải quan cho sản phẩm cà phê theo quy định của EU là 0901, áp dụng cho cà phê nguyên liệu, cà phê chưa rang, hoặc đã khử caffeine; bao gồm trấu và vỏ cà phê, cũng như các chất thay thế có chứa cà phê ở bất kỳ tỷ lệ nào. Đối với sản phẩm cao su, mã khai báo hải quan sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng loại sản phẩm cụ thể. [↑](#footnote-ref-2)